

Số: 08/2024/QĐCNTTLH

TP. Trà Vinh, ngày 16 tháng 02 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

#### Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện về việc “ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân” đề ngày 16 tháng 10 năm 2023 của ông Nguyễn Văn K.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số G, khóm A, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người bị kiện: Bà Trần Thị L, sinh năm 1967.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Số G, khóm A, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 01 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

#### QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 01 năm 2023, cụ thể như sau:

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn K với người bị kiện bà Trần Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh H cùng thỏa thuận thống nhất nội dung như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị L sống chung như vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị L thống nhất tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị L cùng xác định có 02 người con chung tên là: Nguyễn Minh H, sinh năm 1983 và Nguyễn Minh T (chết năm 2009, không có vợ con). Ông K và bà L xác định con chung đã trưởng thành, có đủ năng lực để tự định đoạt của sống, ông K và bà L không yêu cầu toà án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung:

Ông Nguyễn Văn K với bà Trần Thị L, anh Nguyễn Minh H cùng thỏa thuận thống nhất phân chia như sau:

1/ Giao cho ông Nguyễn Văn K được hưởng và được quyền sở hữu tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 323, tờ bản đồ số 37, diện tích 1310,6m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 956878 do Sở T1 cấp cho hộ bà Trần Thị L ngày 15/5/2023;

2/ Giao cho bà Trần Thị L hưởng và được quyền sở hữu tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 142, tờ bản đồ số 32, diện tích 1870,4m<sup>2</sup>, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 871094 do Sở T1 cấp cho hộ bà Trần Thị L ngày 01/8/2017;

Ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị L được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện đăng ký biến động đất đai để được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Các chi phí, thuế theo quy định của pháp luật bên nào phải chịu thì người đó phải có trách nhiệm chịu theo quy định của pháp luật.

Các thửa đất khác theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn K có yêu cầu chia gồm: Thửa đất số 175, tờ bản đồ số 32, diện tích 870m<sup>2</sup>, thửa đất số 392, tờ bản đồ số 32, diện tích 190m<sup>2</sup> và thửa đất số 161, diện tích 3.615m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ số 32, các thửa đất cùng tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh, nay ông K thống nhất giao cho bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn K không tranh chấp, không yêu cầu toà án xem xét, giải quyết chia các thửa đất này, nên Toà án không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ người khởi kiện ông Nguyễn Văn K tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp xong.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn K với bà Trần Thị L cùng xác định không có, không yêu cầu toà án xem xét, giải quyết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**2.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND TPTV;
- TAND TTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- Lưu HS vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Thu Trang**